

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

	Ghi chú	2006 Triệu đồng	2005 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền, kim loại quý và đá quý	4	2.284.848	1.532.492
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.562.926	988.784
Tiền gửi tại các ngân hàng nước ngoài	6	2.839.850	427.153
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước	7	13.212.586	5.926.745
Cho vay các tổ chức tín dụng trong nước	8	349.393	181.407
Chứng khoán kinh doanh	9	640.195	39.218
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	10	17.014.419	9.381.517
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	10.7	(60.305)	(20.825)
Đầu tư chứng khoán nợ	11		
- sẵn sàng để bán	11.1	11.061	456.515
- giữ đến ngày đáo hạn	11.2	4.217.560	4.367.252
Đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	12	130.964	11.713
Đầu tư vào các đơn vị khác	13	312.494	125.003
Tài sản cố định hữu hình	14	574.440	257.880
Tài sản cố định vô hình	15	17.133	12.470
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định	16	405.374	224.128
Tài sản khác	17	1.132.101	361.412
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.645.039	24.272.864
NGUỒN VỐN			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	18	941.286	967.312
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng trong nước	19	3.249.941	1.123.576
Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác	21	288.532	265.428
Tiền gửi của khách hàng	20	33.606.013	19.984.920
Trái phiếu chuyển đổi phát hành	22	1.650.069	-
Nợ khác	23	3.173.049	630.026
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		39.634	18.396
TỔNG NỢ		42.948.524	22.989.658
VỐN VÀ CÁC QUỸ			
Vốn và các quỹ của chủ sở hữu Ngân hàng mẹ			
Vốn góp	24	1.100.047	948.316
Các quỹ dự trữ	25	187.727	138.973
Lợi nhuận chưa phân phối	25	366.213	195.917
		1.653.987	1.283.206
Cổ đông thiểu số	2.2 (ii)	42.528	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.645.039	24.272.864
CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIẾM TẮC	40	1.366.019	816.930



Chủ tịch
Trần Mông Hùng
Ngày 05 tháng 3 năm 2007

Tổng Giám đốc
Lý Xuân Hải

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Hòa